

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2024

V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Mộng Trinh
2. Ông Ngô Đình Bảo Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2024, về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T – Sinh năm 1980

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B – Sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2024, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Bà và ông B tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 2000, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H ngày 12/11/2002, theo giấy chứng nhận kết hôn số 122/2002 ngày 12/11/2002 của UBND xã Đ. Sau khi cưới nhau về chung sống hạnh phúc được một thời gian, về sau phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Hai vợ chồng hay cãi vã qua lại với nhau, ông B thường dùng vũ lực đánh đập bà, ngoài ra, ông B còn có mối quan hệ ngoài luồng. Vợ chồng đã ly thân nhau hơn một năm nay, từ khi ly thân không ai quan tâm tới ai, mạnh ai nấy sống. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 06/02/2001; Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 10/07/2004 và Nguyễn Quốc L, sinh ngày 02/11/2008. Sau khi ly hôn, hai người con đầu đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Còn người con tên Nguyễn Quốc L, sinh ngày 02/11/2008 bà nhường quyền trực tiếp nuôi cháu L cho ông B, bà không cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ông B.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

***/Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân là đúng, ông và bà T tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 2000, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H ngày 12/11/2002. Sau khi cưới nhau về chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do cả khác nhau về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và ông có mối quan hệ ngoài luồng, nhưng sự việc này xảy ra đã lâu. Hiện nay hai vợ chồng đã ly thân không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống. Nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà T nhưng nếu bà T cương quyết ly hôn với ông thì ông đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 06/02/2001; Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 10/07/2004 và Nguyễn Quốc L, sinh ngày 02/11/2008. Sau khi ly hôn, ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng người con Nguyễn Quốc L, sinh ngày 02/11/2008, không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Hai người con tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 06/02/2001 và Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 10/07/2004 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn B

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Quốc L, sinh ngày 02/11/2008. Ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Văn B. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại Thôn X, xã Đ, huyện H, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung:

[2.a] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà T và ông B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận ngày 12/11/2002, theo giấy chứng nhận kết hôn số 122/2002 của UBND xã Đ, huyện H nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống, do tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã qua lại, mâu thuẫn xảy ra liên tục trong thời gian dài, cuộc sống luôn căng thẳng nặng nề, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống. Hai vợ chồng đã ly thân, không ai quan tâm tới ai, mạnh ai nấy sống, không còn tha thiết gì với hôn nhân của mình. Bà T và ông B đều thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn do không hợp tính nhau. Tại phiên tòa bà T cương quyết ly hôn, ông B đồng ý ly hôn với bà T. Xét các đương sự thuận tình ly hôn, việc thuận tình ly hôn của các đương sự không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà T và ông B.

[2.b] Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 06/02/2001; Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 10/07/2004 và Nguyễn Quốc L, sinh ngày 02/11/2008. Tại phiên Tòa bà T và ông B đều thỏa thuận giao cháu L cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ông. Còn 02 người con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 06/02/2001 và Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 10/07/2004 đã đủ tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Xét việc thỏa thuận về nuôi con chung của các đương sự là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận trên.

Bà T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[2.c] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn B được quyền trực tiếp nuôi nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Quốc L, sinh ngày 02/11/2008. Ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ông.

Bà T có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013292 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận. Bà T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Ông B không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/5/2024).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VK SND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- UBND(Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Văn Hơ

